

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ, phương án khảo sát, dự toán đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột;

Xét Báo cáo thẩm định số 16 /QLĐT-BCTĐ ngày 10 /8/2022 của Phòng Quản lý đô thị Thành Phố Buôn Ma Thuột về việc Báo cáo thẩm định Nhiệm vụ, phương án khảo sát, dự toán lập quy hoạch và dự toán đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ, phương án khảo sát, dự toán lập quy hoạch và dự toán đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Phạm vi khảo sát:

- Phạm vi ranh giới khảo sát có tứ cận như sau:
 - + Phía Bắc giáp : suối nhỏ Kotam.
 - + Phía Nam giáp : khu đất Nông trường 30 tháng 4.
 - + Phía Đông giáp : khu dân cư hiện hữu phường Tân Hòa và khu dân cư đã có quy hoạch.
 - + Phía Tây giáp : giáp phường Tân Lập.
- Diện tích lập quy hoạch: **178 ha.**
- Tổng diện tích đo vẽ: khoảng **130,35 ha**; tỷ lệ 1/2000 (hệ số đo phủ 10%).

Diện tích đo vẽ giảm do cập nhật các đồ án đã triển khai nằm trong phạm vi ranh giới đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Mục đích: Nhằm phục vụ cho công tác lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, làm cơ sở để đưa các mốc giới quy hoạch từ bản vẽ ra ngoài thực địa và triển khai thực hiện dự án.

4. Tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng:

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ từ 1:500 đến 1:5000 (phần ngoài trời) ban hành kèm theo quyết định số 248/KT của Cục trưởng Cục đo đạc bản đồ nhà nước ngày 09/8/1990 - 96 TCN 43-90;
- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ từ 1:500 đến 1:25000 (phần trong nhà) ban hành kèm theo quyết định số 247/KT của Cục trưởng Cục đo đạc và bản đồ nhà nước ngày 09/8/1990 – 96 TCN 42-90;

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1/200 - 1/20000 ban hành kèm theo Quyết định số 1125/ĐDBĐ của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính ngày 19/11/1994;

- Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia VN-2000;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao ngày 18/02/2008 - mã số QCVN 11: 2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ, mã số QCVN 04:2009/BTNMT;

- Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;

- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung;

- TCVN 9401:2012 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình;

5. Phương pháp khảo sát: Thực hiện phương pháp thi công, quy trình khảo sát theo các yêu cầu quy định tại Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ, mã số QCVN 04:2009/BTNMT; TCVN 9401:2012 - Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

6. Khối lượng công việc thực hiện:

- Đo lưới khống chế mặt bằng; đường chuyên hạng 4: 5 điểm;
- Đo lưới khống chế mặt bằng; giải tích cấp 1: 12 điểm;
- Đo lưới khống chế mặt bằng; giải tích cấp 2: 12 điểm;
- Đo khống chế cao; thủy chuẩn hạng 4, địa hình cấp IV: 9 km;
- Đo khống chế cao; thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV: 5 km;
- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2000, đường đồng mức 1m, địa hình cấp IV: 130,35 ha;

- Tọa độ các mốc phải chính xác theo hệ tọa độ Nhà nước VN-2000.

7. Sản phẩm bàn giao, nghiệm thu:

- Bộ bản đồ tỷ lệ 1/2000	: 07 bộ.
- Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát	: 07 quyển.
- Báo cáo kỹ thuật	: 07 quyển.
- Đĩa CD chứa nội dung bản đồ trên	: 02 đĩa.

8. Kinh phí dự toán khảo sát phê duyệt - làm tròn: 618.498.000 đồng (Sáu trăm mười tám triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng chẵn).

- Trong đó:

- + Chi phí khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình : 495.924.000 đồng.
- + Chi phí liên quan công tác khảo sát : 35.072.000 đồng.
- + Chi phí kiểm tra, nghiệm thu : 22.278.000 đồng.
- + Chi phí quyết toán : 3.154.000 đồng.
- + Chi phí kiểm toán : 5.843.000 đồng.
- + Chi phí dự phòng : 56.227.000 đồng.

- Chi phí này không bao gồm chi phí chuyển mốc giới ra ngoài thực địa.

9. Nguồn vốn: Ngân sách Thành phố Buôn Ma Thuột.

10. Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ, phương án, dự toán khảo sát đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân Hòa, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: UBND thành phố Buôn Ma Thuột.
- Đại diện chủ đầu tư: Phòng Quản lý đô thị thành phố Buôn Ma Thuột.
- Nhà thầu tư vấn lập Nhiệm vụ, phương án khảo sát, dự toán lập quy hoạch và dự toán: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đắk Lắk và Công ty TNHH đo đạc tư vấn Nông lâm nghiệp Đắk Lắk.

- Cơ quan khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch: Chủ đầu tư có trách nhiệm trong việc lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định của pháp luật hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên - Môi trường; Chủ tịch UBND phường Tân Hòa; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Đắk Lắk (thay BC);
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Xây dựng Đắk Lắk;
- Liên danh Công ty CP tư vấn XD Đắk Lắk và Công ty TNHH đo đạc tư vấn Nông lâm nghiệp Đắk Lắk;
- Lưu: VT (TH).

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hưng